TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2023/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 15 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Anh Đào Vũ L, sinh năm 1992

Địa chỉ: số 112/TĐ, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre..

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Đào Vũ L. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 08/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1.Về con chung: Anh Đào Vũ L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Đào Như Y, sinh ngày 25/3/2013, Đào Như N1, sinh ngày 01/3/2014 và Đào Xuân Y1, sinh ngày 09/9/2016 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi (Nguyện

vọng của cháu N1, cháu Y muốn sống cùng anh L). Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Đôi bên khai không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Đỗ Thị N đồng ý nộp toàn bộ. Số tiền án phí chị N phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004114 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị N được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Tân Xuân (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn